

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../ 20...

Class: GE7

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 12 – CLIMATE AND THE ENVIRONMENT

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

| No | New words | Meaning | No | New words | Meaning |
|----|--|------------------------|-----|--|--------------------------|
| 1* | global warming (n) /ˌɡləʊbəl ˈwɔːmɪŋ/ | sự nóng lên toàn cầu | 15 | hurricane (n) /ˈhʌrɪkən/ | bão cuồng phong, bão tố |
| 2 | extreme weather (n) /ɪkˈstriːm ˈweðər/ | thời tiết khắc nghiệt | 16* | tornado (n) /tɔːˈneɪdɒ/ | cơn lốc xoáy |
| 3* | a zero-carbon city (n) /ˌzɪərəʊ ˈkɑːbən/ | thành phố không carbon | 17 | drought (n) /draʊt/ | hạn hán |
| 4* | weather forecast (n) /ˈweðə ˈfɔːkɑːst/ | dự báo thời tiết | 18* | moisture (n) /ˈmɔɪstʃər/ | hơi ẩm, độ ẩm |
| 5 | rapidly (adv) /ˈræpɪdli/ | nhANH chóng | 19* | evaporate (v) /ɪˈvæp.ər.eɪt/ | bay hơi, bốc hơi |
| 6 | interval (n) /ˈɪn.tə.vəl/ | khoảng thời gian | 20* | rainfall (n) /ˈreɪn.fɔːl/ | lượng mưa |
| 7 | light shower (n) /laɪt ʃaʊər/ | cơn mưa rào | 21 | ray (n) /reɪ/ | tia |
| 8* | towards (prep) /təˈwɔːdz/ | gần, về hướng | 22 | reflect (v) /rɪˈflekt/ | phản chiếu |
| 9 | mist /mɪst/ | sương mù | 23* | atmosphere (n) /ˈætməsfiər/ | bầu khí quyển, không khí |

| | | | | | |
|-----|--|----------------------------------|-----|--|--------------------------------------|
| 10* | coastal area (n) /'kəʊstəl 'eəriə/ | miền duyên hải, miền ven biển | 24 | greenhouse gas (n) /ˌɡriːnhaʊs 'ɡæs/ | khí gây hiệu ứng nhà kính |
| 11* | clear (v) /kliə/ | tan, biến mất | 25* | form (v) /fɔːm/ | hình thành |
| 12* | occasional (a) /ə'keɪ.ʒən.əl/ | thỉnh thoảng | 26 | protective (a) /prə'tektɪv/ | bảo vệ, bảo hộ |
| 13 | degree (n) /di'ɡriː/ | độ | 27* | produce (v) /prə'dʒuːs/ | tạo ra |
| 14 | heatwave/ heat wave (n) /'hiːtˌweɪv/ | đợt nóng | 28* | carbon dioxide (n) /ˌkɑːbən daɪ'ɒk.saɪd/ | khí các-bô-níc (CO ₂) |

B. TỪ VỰNG MỞ RỘNG

| No | New words | Meaning | No | New words | Meaning |
|----|--|-----------------|----|---|-------------|
| 1 | habit (n) /'hæb.ɪt/ | thói quen | 5 | pedestrian (n) /pə'des.tri.ən/ | người đi bộ |
| 2 | season (n) /'siːzən/ | mùa | 6* | temperature (n) /'tem.prə.tʃər/ | nhiệt độ |
| 3 | unstable (a) /ʌn'steɪ.bəl/ | không vững chắc | 7* | obvious (a) /'ɒb.vi.əs/ | rõ ràng |
| 4 | shake – shook – shaken (v) /ʃeɪk/ - /ʃʊk/ - /'ʃeɪ.kən/ | rung lắc | | | |

* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; a = adjective: tính từ;

prep = preposition: giới từ; adv = adverb: trạng từ

* Những từ có ký hiệu * thì có 2 cách đọc.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

C. HOMEWORK

***Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences. Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”**

I. Circle the word having different stress from others

0. **A. forecast** B. degree C. reflect D. extreme
1. A. occasion B. dioxide C. atmosphere D. protective
2. A. heatwave B. coastal C. rapid D. towards
3. A. interval B. departure C. hurricane D. illustrate
4. A. moisture B. reflect C. explore D. produce
5. A. instrument B. terrible C. holiday D. protective

II. Fill in the blanks with the given words

| | | |
|-------------------|------------------|--------------------|
| <i>protective</i> | <i>reflected</i> | <i>produces</i> |
| <i>towards</i> | <i>rapidly</i> | <i>evaporating</i> |

0. I keep my computer printer under a protective plastic cover.
1. Things are changing very _____.
2. Plants keep cool during the summer by _____ water from their leaves.
3. She stood up and walked _____ him.
4. I could see my face _____ in his glasses.
5. France _____ a great deal of wine (*ruqou*) for export.

III. Make sentences with the words from the Vocabulary part

0. _____ *Have you heard today's weather forecast?* _____ .
1. _____ .
2. _____ .
3. _____ .
4. _____ .
5. _____ .

IV. Look at these pictures and guess the words

0.



→ c a r b o n d i o x i d e

1.



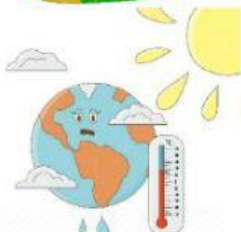
→ w _____

2.



→ c _____

3.



→ g _____

4.



→ l _____

5.



→ e _____ w _____

V. Circle A, B or C to show the underline parts that need correction and correct them

0. It is obvious that she don't like him.

→ _____ doesn't _____

A B **C**

1. Global warming result in climate change and extreme weather.

→ _____

A B C

2. The best way to explore the countryside is with foot.

→ _____

A B C

3. It has been below average rainfall this month.

→ _____

A B C

4. His job requires occasionally trips to the West Coast. → _____
A B C
5. Our company mainly produce goods for export. → _____
A B C

VI. Read this passage and choose from the passage NO MORE THAN THREE

WORDS to complete the following sentences

Every day before I go to bed, I check the weather forecast at the end of the day to see if it will be sunny or rainy the next day. This has become my habit. The weather is different every season, right now it's summer in my place. Most days it will be sunny, but the rains can come at any time. My mother calls this season the hurricane season. Although this season is not cold, it rains a lot. Heavy rain and wind. I am very afraid of storms. When the storm came, the trees shook very hard. There are unstable trees that can fall, which is very dangerous for pedestrians. The season that I like the most is autumn. Autumn weather is clear and autumn temperatures are very cool. Currently, the weather has many sudden changes. Spring and autumn are no longer too obvious. The big reason is due to the change of the environment. We need to join hands to protect the environment so that the weather does not change badly.

0. What does she check every day before she goes to bed?

⇒ _____ **weather forecast** _____

1. What season is it where she lives?

⇒ _____

2. Which season has most sunny days but the rains can come at any time?

⇒ _____

3. For whom can unstable trees be very dangerous?

⇒ _____

4. Which seasons are no longer too obvious?

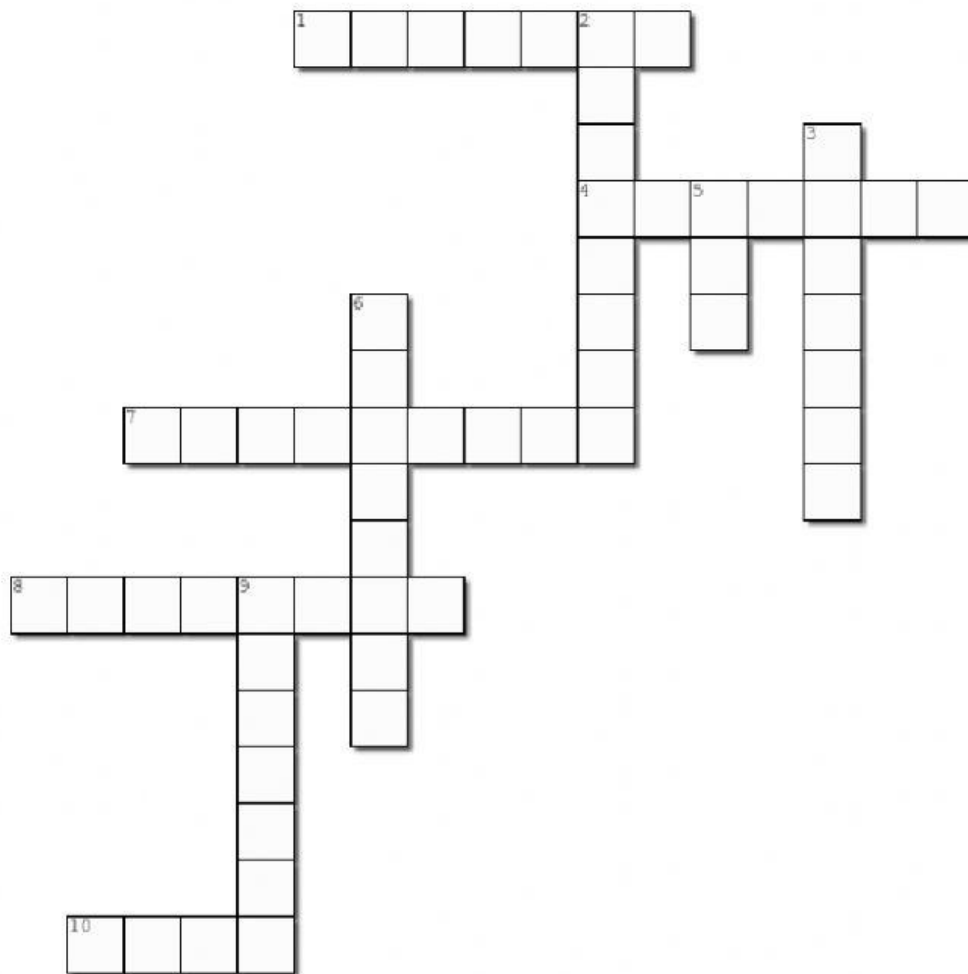
⇒ _____

5. What do we need to do together so that the weather does not change badly?

⇒ _____



VII. Complete the crossword puzzle below



Created using the Crossword Maker on TheTeachersCorner.net

Across

1. A long period when there is little or no rain.
4. A violent storm with very strong winds that move in a circle.
7. A violent wind that has a circular movement, especially in the West Atlantic Ocean.
8. A period between two events or times
10. A cloud of very small drops of water in the air just above the ground, that make it difficult to see.

Down

2. A period of unusually hot weather.
3. In a fast or sudden way.
5. A narrow line of light, heat or other energy.
6. The amount of rain that falls.
9. To send back light, heat, energy, or sound from a surface.

PET 7 – TEST 2 – LISTENING PART 1

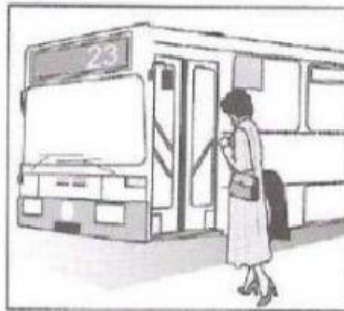
Con làm bài theo link nghe sau:

<https://youtu.be/c4KvPy9R00k>

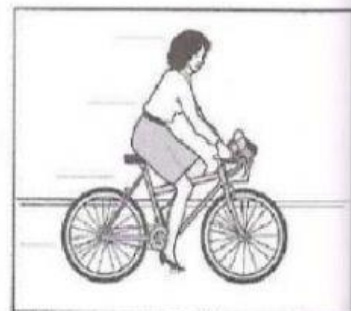
Example: How did the woman get to work?



A ☒

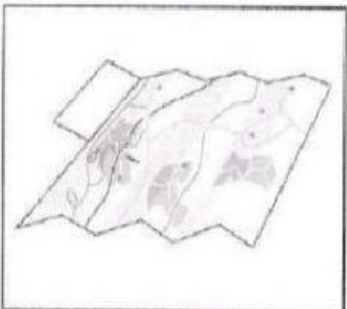


B ☐

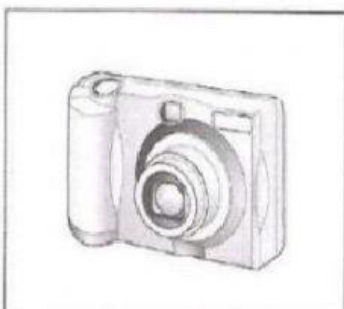


C ☐

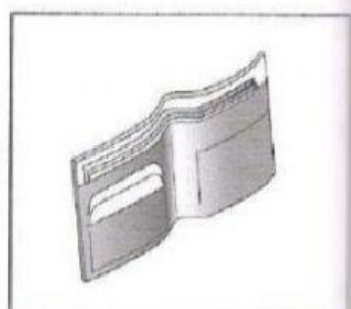
1 What has the boy lost?



A ☐

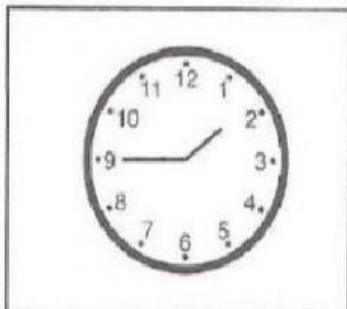


B ☐

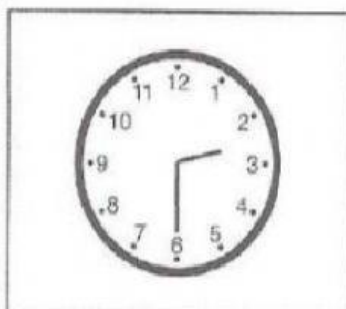


C ☐

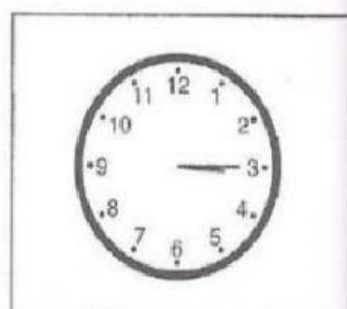
2 What time does the race begin?



A ☐



B ☐

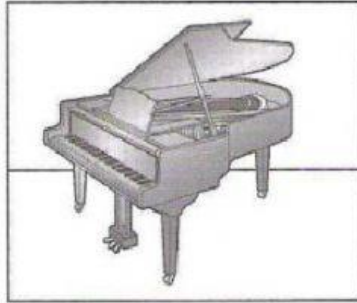


C ☐

3 Which musical instrument does the boy play now?



A ☐



B ☐

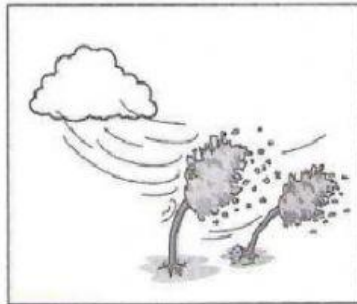


C ☐

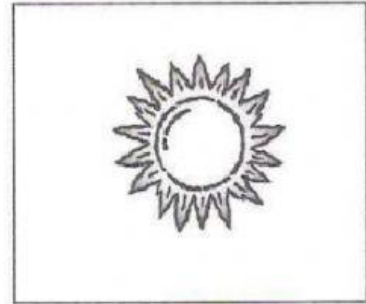
4 What will the weather be like tomorrow afternoon?



A ☐

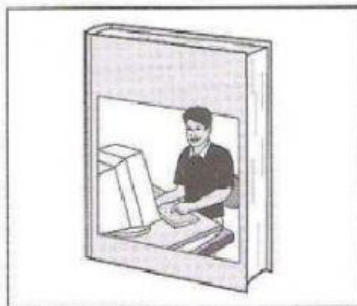


B ☐

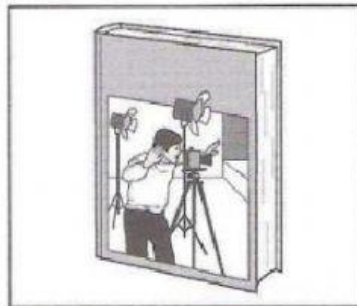


C ☐

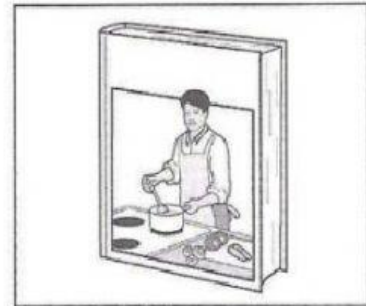
5 What is the subject of James Wilson's book?



A ☐

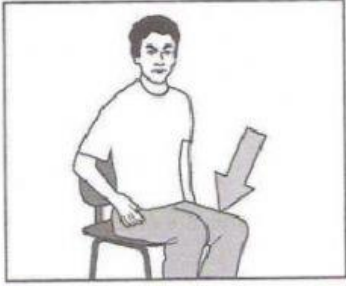


B ☐

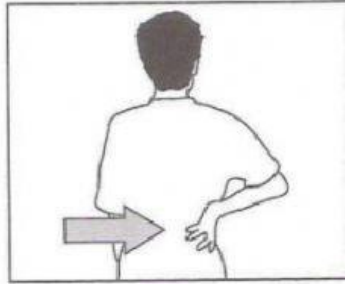


C ☐

- 6 Which part of the man's body hurts him at the moment?



A ☐



B ☐



C ☐

- 7 Where was the man's knowledge of Spanish useful?



A ☐



B ☐



C ☐